

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2024/DS-ST.

Ngày: 12/6/2025.

V/v: “*Kiến đòi tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan .

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 328/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc “*Kiến đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26a/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1974.(Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xx, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị H.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số xx Lê D, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1.

Địa chỉ: Thôn xx, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/10/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn của ông Dương Văn H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 20/5/2021 ông H cho bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 mượn số tiền 200.000.000đồng, khi mượn tiền ông H1 bà Th cam kết sẽ thanh toán cho ông H số tiền trên trong thời hạn 01 tháng tức là ngày 20/6/2021. Việc mượn tiền có được lập thành văn bản có xác nhận của ông H1, bà Th. Do chỗ quen biết nên ông H không yêu cầu bà Th, ông H1 thế chấp tài sản gì cả.

Sau khi mượn số tiền trên, mặc dù khi đến hạn trả nợ ông H đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 thanh toán tiền nợ gốc cho ông H. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà Th, ông H1 chưa thanh toán cho ông H được bất kỳ khoản tiền nào cả.

Hiện tại bà Th, ông H1 vẫn còn nợ ông H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do vậy, ông H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 phải thanh toán cho ông H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ngoài ra ông H không yêu cầu gì khác.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 cố tình vắng mặt, đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Lê Thị Hiền đã có đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1.

Ngày 28/02/2025 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 04/2025/QĐ-TCGD, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện: Giám định chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị Kim Th, Trần Quang H1” dưới mục người mượn tiền trong Giấy mượn tiền ngày 20/5/2021 và chữ ký chữ viết “Nguyễn Thị Kim Th, Trần Quang H1” trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/5/2021 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 3667 có phải do Nguyễn Thị Kim Th, Trần Quang H1 ký và viết ra không?

Tại bản Kết luận giám định số: 436/KL -KTHS, ngày 24/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

1./ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim Th dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim Th trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký ra.

2./ Không có cơ sở để kết luận chữ ký chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục bên B (bên nhận chuyển nhượng) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Dương Văn H xin vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần quang H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn H có đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Lê Thị Hiền; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt ông H, bà Hiền, bà Th, ông H1.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 và 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Đề nghị HĐXX tuyên:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải thanh toán cho ông Dương Văn H số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng;

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Quang H1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Dương Văn H lập ngày 29/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiện đòi tài sản*” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm ông Dương Văn H khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho bà Th, ông H1. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 vắng mặt không có lý do, nguyên đơn ông Dương Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Dương Văn H, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 trả cho ông H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Khi nộp đơn khởi kiện nguyên đơn ông H đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền thể hiện việc bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 đã mượn của ông Dương Văn H số tiền 200.000.000 đồng.

Do quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 không đến Tòa án làm việc. Do vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 trong giấy nhận tiền đề ngày 20/5/2021 mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tại bản Kết luận giám định số: 436/KL - KTHS, ngày 24/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

1./ Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim Th dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Kim Th trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, **là do cùng một người ký ra.**

2./ Không có cơ sở để kết luận chữ ký chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục bên B (bên nhận chuyển nhượng) trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, **có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Dương Văn H, bản tự khai của đại diện theo ủy quyền của ông Dương Văn H là bà Lê Thị H, bản kết luận giám định số 436/KL - KTHS, ngày 24/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Ngày 20/5/2021 bị đơn vay ông H số tiền 200.000.000đồng. Khi nhận tiền bà Th viết giấy mượn tiền cho ông H giữ. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán số tiền nói trên bị đơn không thanh toán cho ông H các khoản tiền như thỏa thuận là vi phạm cam kết trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 429 BLDS 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Trong khi đó chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 20/5/2021 ông H cho bà Th, ông H1 mượn số tiền 200.000.000đồng, thời hạn mượn là 01 tháng. Tính đến ngày ông H nộp đơn khởi kiện (ngày 29/10/2024) để yêu cầu bà Th, ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) thời hiệu khởi kiện đã hết. Tuy nhiên, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ”*

Do vậy, áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn H số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là phù hợp.

[2.2]. Xét yêu cầu của ông Dương văn H về việc buộc ông Trần Quang H1 có nghĩa vụ cùng bà Th trả cho ông H số tiền 200.000.000đồng: HĐXX xét thấy, mặc dù trong giấy mượn tiền đề ngày 20/5/2021 thể hiện người mượn là bà Nguyễn Thị

Kim Th và ông Trần Quang H1. Tuy nhiên, tại kết luận giám định số 436/KL - KTHS, ngày 24/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim Th dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim Th trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra; Không có cơ sở để kết luận chữ ký chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục “Người mượn tiền” trong tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Quang H1 dưới mục bên B (bên nhận chuyển nhượng) trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký và viết ra hay không. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim Th không đến Tòa án để làm việc nên không xác định được sau khi mượn số tiền trên của ông H bà Th đã dùng số tiền trên vào mục gì, trong giấy mượn tiền không thể hiện mục đích sử dụng số tiền trên, bản thân nguyên không chứng minh được bị đơn sử dụng số tiền trên vào mục đích gì. Do vậy, không có cơ sở để buộc ông Trần Quang H1 có trách nhiệm cùng bà Th trả số tiền 200.000.000đồng cho ông H.

[3]. Về chi phí giám định: Trong quá trình giải quyết vụ án do bà Nguyễn Thị Kim Th, ông Trần Quang H1 không đến Tòa án để làm việc, nên theo đơn yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Th, ông H1 trong giấy mượn tiền. Tại bản Kết luận giám định số: 436/KL -KTHS, ngày 24/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk ngày 20/5/2021 kết luận là do bà Nguyễn Thị Kim Th ký và viết ra. Do vậy, áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Buộc bà Th phải chịu chi phí giám định chữ ký là 4.600.000 đồng, số tiền này nguyên đơn ông Dương Văn H đã nộp, nên buộc bà Th phải thanh toán lại cho ông H là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[4]. Về án phí:

Do HĐXX buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho ông H số tiền vay là 200.000.000đồng. Nên bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Mức tính như sau: $76.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$ (Mười triệu đồng)

Ông Dương Văn H được nhận lại số tiền 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2023/0014258 ngày 06/11/2024.

[5]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 166, Điều 203; Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho ông Dương Văn H tiền nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc buộc ông Trần Quang H1 có trách nhiệm cùng bà Th trả cho ông H số tiền 200.000.000đồng.

3. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Ông Dương Văn H được nhận lại số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ bà Nguyễn Thị Kim Th.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Văn H được nhận lại số tiền 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2023/0014258 ngày 06/11/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.”

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

